|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN THANH TRÌ  **TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH LIỆT**  **Tuần: 9** | **KẾ HOẠCH BÀI DẠY**  **PHÂN MÔN: HỌC VẦN**  Ngày dạy: ***01/11/2022*** |
| **BÀI 47:** **OM- OP** | |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần om, op; biết đánh vần, đọc đúng tiếng có vần om, op . Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có vần om, op. Đọc đúng, hiểu bài tập đọc Lừa và Ngựa. Biết cách viết trên bảng con.

- Đọc các vần và các tiếng chứa vần om, op. Phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng, từ, bài tập đọc và trả lời câu hỏi. Quan sát và viết đúng mẫu chữ om, đom đóm, op, họp tổ, trình bày đúng bài viết. Nghe, phân biệt được việc đọc đúng, sai, trả lời được câu hỏi.

- Hợp tác, trao đổi với bạn qua hình thức làm việc nhóm.

- Yêu thích môn học, HS biết yêu thương, giúp đỡ mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: BGĐT, máy chiếu, máy soi

- HS: BĐD TV, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **3’** | **1. Hoạt động mở đầu**  **\* Khởi động**  - Gọi 2 HS đọc bài Tập đọc “Gà nhí nằm mơ” (Bài 46) và TLCH cuối bài.  - NX chung.  **\* Kết nối**  GV giới thiệu bài, viết tên bài lên bảng | -1 HS đọc bài trên màn hình, 1 HS đọc bài ở SGK, trả lời câu hỏi.  - HSNX |
| **11’**  **7’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **2.1.Chia sẻ và khám phá:**( BT1- làm quen)  ***a. Dạy vần om***  - Đưa vần: **om**, hỏi: Vần **om** do âm nào tạo nên ?  - GV yêu cầu hs đọc  - Đưa hình ảnh con đom đóm, hỏi: Đây là con gì?  - GV: "đom đóm" là loài côn trùng cánh cứng nhỏ, có tập tính hoạt động về ban đêm và phát ra ánh sáng.  - Đưa từ: đom đóm  (?) Trong từ **đom đóm***,* tiếng nào có vần **om**?  - YC HS phân tích tiếng: **đom, đóm**  -GT: **om** là vần mới thứ nhất của bài học hôm nay.  - Yêu cầu HS phân tích vần **om**.  -GT mô hình vần **om**, HD cách đánh vần.  - Chỉ tiếng đom, HD cách đánh vần.  - Chỉ trên màn hình: om, đom đóm.  ***b.Dạy vần op****:* tương tự vần om.  - Chúng ta vừa học hai vần mới nào?  - Vần om và vần op có gì giống và khác nhau?  **\* Chốt:** Chỉ vào hiệu ứng trên màn hình và nói vần om giống vần op đều bắt đầu bằng âm o. Vần om khác vần op: om kết thúc bằng m, op kết thúc bằng p.  - Chỉ bài: + om, đom đóm  + op, họp, họp tổ  - YC HS sử dụng bảng gài ghép lại vần, tiếng vừa học.  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**  ***3.1..Mở rộng vốn từ****:* Đưa tranh BT3, nêu yêu cầu.  - Chỉ từng từ theo số TT tranh trên màn hình.  -Giải nghĩa từ: GV Chỉ hình ảnh, nói:  + *chỏm mũ* (phần nhô lên trên cùng của cái mũ)  + *lom khom* (tư thế còng lưng xuống)  + *gom góp* (tập hợp dần dần).  - Tìm tiếng có vần om, vần op: Cho HS thảo luận nhóm bàn  - Báo cáo kết quả  - Chỉ trên màn hình:  + tiếng có vần om  + Tiếng có vần op  - GV nhận xét  -Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài có vần om hoặc vần op. | - HSTL  - HS đọc: om. Cả lớp: om.  - HSTL: đom đóm  -HS đọc  - TL: tiếng đom và tiếng đóm  - Phân tích: tiếng đom : có âm đ đứng trước, vần om đứng sau…  - HS đọc: om  - HS: vần om có âm o đứng trước, âm m đứng sau.  - HS (CN, tổ, ĐT): o- mờ-om / om.  - HS đánh vần, đọc trơn. (CN, ĐT): đ- om – đom/đom  - HS đánh vần, đọc trơn.  - HSTL: om, op  - HSTL  - HS đọc CN- ĐT  - HS thực hành ghép trên bảng gài: om, op, đom đóm, họp .  - Quan sát tranh trên màn hình  - 1 HS đọc - Lớp đọc tên sự vật, hành động trong tranh.  - Lắng nghe  - Thực hành theo nhóm bàn.  - Chia sẻ trước lớp:  + Từng cặp HS: 1 HS nói tiếng có vần om, 1 HS nói tiếng có vần op ( 1 nhóm đứng tại chỗ, 1 nhóm lên nói và chỉ trên màn hình).  - HSNX  - HS nói đồng thanh: Tiếng .... có vần om, tiếng ... có vần op.  - HS tìm tiếng chứa vần om, op |
| **2’** | **THƯ GIÃN** | **Múa hát hoặc chơi trò chơi** |
| **12’** | **3.2: Tập viết** (bảng con – BT 4)  a) Y/c hs nhìn bảng đọc các vần, từ: om, đom đóm, op, họp tổ.  - Chữ nào cao 4 ly? 5 ly? t cao mấy ly? các chữ còn lại cao mấy ly?  b) Viết vần om, op:  - Vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn hs cách viết:  + Vần om: viết o trước, viết m sau. Lưu ý viết liền mạch từ o sang m và khoảng cách từ o sang m không xa quá hay gần quá.  + Vần op: viết o trước, viết p sau. Lưu ý viết liền mạch.  -Y/c hs viết bảng con 2 vần (viết 2 dòng)  c) Viết từ: đom đóm, họp tổ (như mục b)  - Vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn hs cách viết:  + Tiếng đom (viết chữ đ trước cao 4 li, viết vần om sau)/ đóm (viết tương tự thêm dấu sắc trên o).  + Tiếng họp (viết chữ h trước cao 5 li, viết vần op sau, p cao 4 li, dấu nặng đặt dưới o).  - Y/c hs viết bảng con 2 từ (viết 2 lần ). | - HS đọc  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS viết: dòng 1 om, op. Dòng 2 giống dòng 1.  - HS lắng nghe  - HS viết ở bảng con. |

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **3’**  **5’**  **10’** | **1.Hoạt động mở đầu**:  -Vừa rồi chúng ta đã được học tiết 1 bài 47: om, op Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục học bài om, op ở tiết 2.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới kết hợp luyện tập thực hành:**  2.1. Đọc ôn bài tiết 1  **-** GV chỉ thứ tự và không theo thứ tự: Yêu cầu HS đọc om, op từ đom đóm, họp tổ  **2.2: Tập đọc (BT3)**  **A. Giới thiệu bài.**  - Đưa hình ảnh trong sgk lên màn hình hỏi: Tranh vẽ gì?  - Giới thiệu: Tại sao chú Lừa lại bị ngã còn chú Ngựa lại phải chở rất nhiều đồ. Cô và các con cùng đọc câu chuyện Lừa và Ngựa để biết nhé.  - Ghi bảng tên bài – Y/c hs nhắc lại  - Đưa bài đọc lên màn hình, chỉ tên bài: Ai đọc lại được tên bài tập đọc.  **B. Luyện đọc:**  \* Đọc mẫu:  - GV chiếu nội dung bài tập đọc. GV đọc mẫu toàn bài.  \* HS đọc tiếng, từ ngữ:  - GV dự kiến các từ khó trong bài: còm nhom, lắm đồ, chả nghe, thở hí hóp, ...  - GV viết lên bảng.  - Yêu cầu HS đọc.  \* HS đọc từng câu  - Bài đọc gồm mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ:  - Đọc nối câu: Chỉ bảng.  - Làm tương tự với 4 câu còn lại. | -HS đọc cá nhân, ĐT  - Mở SGK trang 67  - 1 hs nêu những điều q/s được: Tranh chú lừa và ngựa.  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại  - HS đọc.  - HS theo dõi GV đọc.  - HS luyện đọc cá nhân, đồng thanh.  - 6 câu  - HS thực hiện theo.  + HS1 đọc câu 1, sau đó cả lớp đọc lại.  + HS2 đọc câu 2, cả lớp đọc lại...  - HS đọc nối tiếp (6 HS) |
| **2’** | **THƯ GIÃN** | **Múa hát hoặc chơi trò chơi** |
| **5’**  **6’** | - *Luyện đọc đoạn :*4 câu/ 2 câu.  - GV chia bài làm 2 đoạn:  + Đoạn 1: 4 câu đầu.  + Đoạn 2: còn lại.  - GV cho HS đọc nối tiếp.  Lưu ý: Khi đọc ngắt hơi sau dấu phẩy, nghỉ hơi sau dấu chấm  - Gọi HS nhận xét.  - Nhận xét, khen ngợi.  - Yêu cầu HS luyện đọc nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc  - GV nhận xét.  - Khen HS đọc tốt, biểu cảm.  - Đọc cả bài  **C. Tìm hiểu bài**  - GV hướng dẫn kĩ để HS nắm yêu cầu.  - Chỉ từng ý a,b cho HS đọc.  - Y/c HS hoàn thành 2 câu văn.  - Y/c hs thảo luận trong nhóm đôi  Khuyến khích hs nói sáng tạo  - Y/c hs nêu kết quả thảo luận  - Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?  Chốt: Giúp người khác nhiều khi cũng là giúp mình | - HS dùng bút chì đánh dấu đoạn vào SGK.  - 2HS đọc nối tiếp đoạn.  - HS khác nhận xét.  - HS luyện đọc đoạn trong nhóm đôi.  - Đại diện 2 nhóm đọc.  - Nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc đề.  - Hs thảo luận nhóm đôi  - Hs trả lời |
| **4’** | **4. Hoạt động vận dụng**  - Hôm nay các con đã được học những vần gì?  - Thi nói câu có chứa vần mới học  - Mời cả lớp đọc lại toàn bộ nội dung phần đọc.  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà đọc bài **Lừa và ngựa** cho người thân nghe | - Vần om, op.  - HS nói  - Cả lớp đọc lại 2 trang ND bài 47. |

**\*Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………….………..………………………………………………………………………………….…….…………………………………………………………………………………..…….………………………………………………………………………………….…….…………………………………………………………………………………..……….